ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số: 38 /2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định một số nội dung về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; thỏa thuận phương án kiến trúc công trình; lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình kiến trúc có giá trị; quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch, quản lý kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Khu vực có ý nghĩa quan trọng bao gồm:

a) Khu vực nội đô lịch sử, các khu vực quan trọng được xác định theo Quy hoạch chung Thủ đô.

b) Khu vực phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD); khu vực trong phạm vi tối thiểu 50m hoặc theo ranh giới các ô đất chức năng được xác định trong quy hoạch, tiếp giáp tuyến đường cấp đô thị; các khu vực dự kiến xây dựng không gian công cộng ngầm.

c) Các công trình công cộng cấp đô thị, công viên, cây xanh cấp đô thị.

d) Các khu vực trung tâm chính trị - hành chính cấp huyện trở lên.

e) Khu đô thị, khu nhà ở có quy mô từ 10ha trở lên tại các quận và từ 25ha trở lên tại các khu vực còn lại; các công trình hạ tầng kỹ thuật khung; khu kinh tế, khu công nghệ cao.

g) Các công trình về quốc phòng, an ninh, tôn giáo, lịch sử, văn hóa quan trọng.

h) Các nội dung nêu tại điểm a, b, c, khoản 1 điều này không bao gồm các khu vực dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang theo quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư hoặc dự án sử dụng vốn ngân sách của địa phương gồm: trường học, nhà trẻ, các công trình công cộng, công viên, cây xanh và

các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng tại quy định này sau đây được viết tắt là Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch.

3. Quy hoạch tổng mặt bằng (bao gồm bản vẽ tổng mặt bằng; phương án kiến trúc công trình) là quy hoạch chi tiết được lập theo quy trình rút gọn (theo quy định Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ).

4. Phương án tuyến, vị trí công trình theo tuyến là loại hình hồ sơ quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến làm cơ sở để lập dự án đầu tư và cấp phép xây dựng theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

5. Phương án kiến trúc công trình là hồ sơ để kiểm soát về kiến trúc đảm bảo đồng bộ với công tác quản lý quy hoạch (khu vực đô thị và nông thôn) trong dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại các Điều 36, 38 Luật Kiến trúc và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 về định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 07/02/2023 về việc định hướng phát triển quy hoạch kiến trúc nông thôn Việt Nam, tạo bản sắc và giữ gìn kiến trúc truyền thống (cơ quan quản lý quy hoạch kiến trúc xem xét, hướng dẫn cụ thể đối với công trình có quy mô, yêu cầu về kiểm soát kiến trúc trong quá trình thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết).

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Các quy định về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo thống nhất trong trình tự thực hiện gắn với trách nhiệm và thẩm quyền từ bước xây dựng danh mục, kế hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt, quyết toán và lưu trữ hồ sơ.

2. Việc quản lý kinh phí phục vụ rà soát quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình kiến trúc có giá trị từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; thỏa thuận phương án kiến trúc công trình; lập, thẩm định, phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn Thành phố phải tuân thủ quy định của pháp luật, các quy hoạch cấp trên được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý của Thành phố.

4. Đối với các công trình thuộc danh mục bí mật nhà nước việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương II

TỔ CHỨC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÀ KIẾN TRÚC

Điều 4. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, lưu trữ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; quy hoạch tổng mặt bằng, nhiệm vụ, hồ sơ

cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình kiến trúc có giá trị

1. Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; quy hoạch tổng mặt bằng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới sử dụng nguồn vốn ngân sách:

a) Xây dựng kế hoạch: lập, phê duyệt danh mục, kế hoạch lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới; đối với quy hoạch tổng mặt bằng thực hiện theo nhu cầu thực tiễn và yêu cầu quản lý của Thành phố.

b) Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; quy hoạch tổng mặt bằng; nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới.

c) Lựa chọn đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế đô thị riêng và nhiệm vụ cắm mốc giới.

d) Lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế đô thị riêng và nhiệm vụ cắm mốc giới.

e) Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế đô thị riêng và nhiệm vụ cắm mốc giới.

g) Lựa chọn đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, hồ sơ cắm mốc giới.

h) Lập đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng và hồ sơ cắm mốc giới.

i) Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; quy hoạch tổng mặt bằng và hồ sơ cắm mốc giới.

k) Công bố công khai đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; quy hoạch tổng mặt bằng.

l) Lưu trữ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; quy hoạch tổng mặt bằng và nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt và ban hành quy chế quản lý kiến trúc.

a) Xây dựng kế hoạch lập danh mục quy chế quản lý kiến trúc.

b) Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập quy chế quản lý kiến trúc.

c) Lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy chế quản lý kiến trúc.

d) Lập quy chế quản lý kiến trúc.

e) Thẩm định quy chế quản lý kiến trúc.

g) Phê duyệt và ban hành quy chế quản lý kiến trúc.

h) Công bố công khai, lưu trữ quy chế quản lý kiến trúc.

3. Lập, thẩm định, phê duyệt danh mục các công trình kiến trúc có giá trị.

a) Xây dựng kế hoạch lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị.

b) Lập, phê duyệt dự toán chi phí lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

c) Lựa chọn đơn vị tư vấn lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

d) Lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

e) Thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

g) Phê duyệt danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

h) Lưu trữ danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

4. Các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết; quy hoạch tổng mặt bằng, nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 5. Xây dựng danh mục, kế hoạch lập đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, hồ sơ cắm mốc giới, ghi kế hoạch vốn

1. Đối với đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, hồ sơ cắm mốc giới thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân Thành phố: Căn cứ các quy định hiện hành, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các ban của Thành phố, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội nghiên cứu đề xuất danh mục, kế hoạch lập quy hoạch thực hiện trong 5 năm và hàng năm; Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh mục, kế hoạch lập quy hoạch và giao đơn vị tổ chức thực hiện (hoặc điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch lập quy hoạch).

2. Đối với đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, hồ sơ cắm mốc giới thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Căn cứ các quy định hiện hành, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng danh mục, kế hoạch thực hiện trong 5 năm và hàng năm bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện; lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước khi ban hành quyết định phê duyệt danh mục kế hoạch (hoặc điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch lập quy hoạch).

3. Ghi kế hoạch vốn đối với nguồn vốn chi thường xuyên: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan và hướng dẫn của Bộ Tài Chính tại Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29/5/2023 về hướng dẫn việc sử dụng kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn viện trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch.

4. Ghi kế hoạch vốn đối với nguồn vốn đầu tư công: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 6. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình kiến trúc có giá trị từ nguồn vốn ngân sách

1. Nguồn vốn ngân sách phục vụ lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình kiến trúc có giá trị được bố trí theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Bố trí vốn:

a) Trách nhiệm tổ chức lập thuộc cấp nào thì cấp đó có trách nhiệm bố trí vốn. Ủy ban nhân dân cấp huyện được phép bố trí vốn ngân sách cấp huyện khi được Ủy ban nhân dân Thành phố giao tổ chức lập các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm bố trí vốn của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Đối với các quy hoạch do Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm bố trí vốn lập quy hoạch, chỉ đạo tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch.

3. Thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí đối với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố và sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên (bao gồm cả trường hợp sử dụng vốn ngân sách cấp huyện):

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm thẩm định dự toán chi phí trình Ủy ban nhân dân Thành phố trừ nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đối với thiết kế kỹ thuật - dự toán chi phí đo vẽ bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự toán (bao gồm cả trường hợp sử dụng vốn ngân sách cấp huyện).

d) Các trường hợp ủy quyền phê duyệt dự toán, thực hiện theo quyết định của UBND Thành phố.

4. Thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí đối với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện và sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên:

a) Phòng chuyên môn cấp huyện có trách nhiệm thẩm định dự toán chi phí (bao gồm cả Thiết kế kỹ thuật - dự toán chi phí đo vẽ, thành lập bản đồ hiện trạng, bản đồ địa hình), trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự toán.

5. Thẩm định và phê duyệt dự toán đối với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố và sử dụng nguồn vốn đầu tư công: thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các pháp luật có liên quan.

6. Các đơn vị được giao tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình kiến trúc có giá trị chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí đối với các công việc cần thực hiện trước làm cơ sở lựa chọn đơn vị tư vấn lập dự toán chi phí; Thiết kế kỹ thuật - dự toán chi phí đo vẽ, thành lập bản đồ hiện trạng, bản đồ địa hình theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc và danh mục các công trình kiến trúc có giá trị

1. Đối với nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân Thành phố, căn cứ nội dung, tính chất các nhiệm vụ cụ thể, Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập bao gồm:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung Thủ đô; quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch chung thành phố trực thuộc Thủ đô; quy hoạch chung đô thị mới

có quy mô dân số dự báo thấp hơn quy mô dân số đô thị loại III.

b) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu đô thị đối với khu vực có liên quan địa giới hành chính hai quận, huyện, thị xã trở lên; khu vực trong đô thị mới và khu vực có ý nghĩa quan trọng (quy định tại khoản 1 Điều 2).

c) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đô thị (không bao gồm quy hoạch chi tiết cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư), thiết kế đô thị riêng đối với các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện, thị xã trở lên, khu vực trong đô thị mới và khu vực có ý nghĩa quan trọng của Thủ đô, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều này.

d) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện.

e) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng.

g) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này.

h) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng có phạm vi liên quan liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện, thị xã trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 và điểm a khoản 9 Điều này.

i) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường chính khu vực trở lên theo các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị và khu chức năng được phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 4, điểm c khoản 5 và điểm b khoản 9 Điều này.

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức lập:

a) Quy chế quản lý kiến trúc chung thành phố, Quy chế quản lý kiến trúc khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố trừ các Quy chế quản lý kiến trúc được quy định tại điểm i khoản 7 Điều này;

b) Danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân Thành phố khi được giao.

3. Sở chuyên ngành của Thành phố tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật Thành phố khi được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

4. Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tổ chức lập:

a) Nhiệm vụ (đối với trường hợp phải lập nhiệm vụ theo quy định), đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp.

b) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghiệp (đối với trường hợp cần thiết lập quy hoạch chi tiết), trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều này.

c) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường theo quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 9 Điều này.

5. Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc tổ chức lập:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao.

b) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ cao, trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 9 Điều này.

c) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường theo quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ cao, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 9 Điều này.

6. Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội tổ chức lập: Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân Thành phố khi được giao, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 9 Điều này.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện;

b) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung thị xã, thị trấn;

c) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

d) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đô thị (bao gồm cả quy hoạch chi tiết cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư), thiết kế đô thị riêng các khu vực trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản 9 Điều này.

e) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 và điểm a khoản 9 Điều này.

g) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường khu vực trở xuống theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tại các khu vực đô thị, khu chức năng được phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 4, điểm c khoản 5 và điểm b khoản 9 Điều này.

h) Danh mục công trình kiến trúc có giá trị trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý, trừ các danh mục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

i) Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý.

k) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân Thành phố khi được giao.

l) Chỉ đạo các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã thực hiện các nội dung quy định tại khoản 8 Điều này.

8. Ủy ban nhân dân xã chủ trì tổ chức việc lập:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung xây dựng xã; Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn (bao gồm cả quy hoạch chi tiết trung tâm xã, quy hoạch các khu chức năng khác trong địa bàn xã...)

b) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các các trục đường chính trong xã, đường liên thôn, đường trục chính thôn và đường chính nội đồng theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn.

9. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư.

b) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư (đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh).

Điều 8. Trách nhiệm thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới

1. Trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới:

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định: nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thẩm định: nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới khu công nghiệp, trừ trường hợp thẩm quyền phê duyệt thuộc Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản 5 Điều 10 của Quy định này.

c) Phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc thẩm định: nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố); nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới khu công nghệ cao, trừ trường hợp thẩm quyền phê duyệt thuộc Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản 5 Điều 10 của Quy định này.

d) Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định: nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường quy định tại điểm g khoản 7 và điểm b khoản 8 Điều 7 của quy định này.

2. Trách nhiệm trình phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới:

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt: nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại khoản 1 Điều 7 của quy định này; các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch do chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng lập thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chịu trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp.

c) Phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chịu trách nhiệm trình Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố; Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong khu công nghiệp, trừ trường hợp nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư (đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh).

d) Phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc chịu trách nhiệm trình Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc phê duyệt nhiệm vụ, đồ án

quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố); nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ cao; Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường theo quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ cao, trừ trường hợp nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư (đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh).

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt: quy hoạch xây dựng thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện và thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố (theo quy định tại mục b, khoản 1, điều 25, Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015).

g) Phòng Quản lý đô thị trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt: nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới quy định tại điểm g khoản 7 và điểm b khoản 8 Điều 7 của quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm thẩm định, trình phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc và danh mục các công trình kiến trúc có giá trị

1. Quy chế quản lý kiến trúc:

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc chung thành phố, Quy chế quản lý kiến trúc khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố.

b) Phòng Quản lý đô thị thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.

2. Danh mục các công trình kiến trúc có giá trị:

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc (cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định Danh mục các công trình kiến trúc có giá trị) tổ chức thẩm định.

b) Cơ quan tổ chức lập Danh mục các công trình kiến trúc có giá trị căn cứ kết quả thẩm định, tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới; quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình kiến trúc có giá trị và trách nhiệm xác nhận nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng sau khi phê duyệt

1. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung đô thị (theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị).

b) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu đô thị (lấy ý kiến Bộ Xây dựng đối với quy hoạch phân khu có quy mô dân số tương đương đô thị loại IV trở lên theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013).

c) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đô thị, thiết kế đô thị riêng đối với các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện, thị xã trở lên, khu vực trong đô thị mới và khu vực có ý nghĩa quan trọng của Thủ đô (quy định tại khoản 1 Điều 2).

d) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

e) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng trừ các khu chức năng quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Xây dựng (lấy ý kiến Bộ Xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định 44/2015/NĐ-CP) và trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

g) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng có ranh giới liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện, thị xã trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

h) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường quy định tại điểm i khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

i) Quy chế quản lý kiến trúc chung thành phố, Quy chế quản lý kiến trúc khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố; Danh mục các công trình kiến trúc có giá trị.

2. Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghiệp; lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước khi phê duyệt.

b) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 của Quy định này.

3. Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc phê duyệt:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố), lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước khi phê duyệt.

b) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ cao, lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước khi phê duyệt.

c) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường quy định tại điểm c khoản 5 Điều 7 của Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý):

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đô thị, thiết kế đô thị riêng tại khu vực đã có quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chung thị trấn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng tại khu vực đã có quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng được cấp thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này; Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn; lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước khi phê duyệt.

b) Nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường quy định tại điểm g khoản 7 và điểm b khoản 8 Điều 7 của Quy định này.

c) Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn; lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước khi phê duyệt.

5. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng: Phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư (đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh); hồ sơ cắm mốc giới phải được cơ quan

có thẩm quyền (cơ quan thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết) chấp thuận trước khi Chủ đầu tư dự án phê duyệt.

6. Việc báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo khoản 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị, khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng và khoản 4 Điều 14 Luật Kiến trúc.

7. Trách nhiệm trong việc xác nhận nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt:

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc xác nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng trong khu vực phát triển đô thị, khu chức năng; phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến; thỏa thuận phương án kiến trúc.

1. Quy hoạch tổng mặt bằng trong khu vực phát triển đô thị có liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện, thị xã trở lên; khu vực có ý nghĩa quan trọng (quy định tại khoản 1 Điều 2); Quy hoạch tổng mặt bằng trong khu chức năng có liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện, thị xã trở lên, khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp đô thị, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều này:

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

c) Cơ quan phê duyệt: Sở Quy hoạch - Kiến trúc sau khi có ý kiến thống nhất về chủ trương bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Quy hoạch tổng mặt bằng dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư hoặc dự án sử dụng vốn ngân sách của địa phương; dự án thuộc địa giới hành chính 01 quận, huyện, thị xã trong khu vực phát triển đô thị, khu chức năng trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều này; Quy hoạch tổng mặt bằng cải tạo xây dựng lại nhà chung cư, khu chung cư theo quy định tại điều 110 Luật Nhà ở và các quy định hiện hành có liên quan thuộc địa bàn hành chính cấp huyện quản lý:

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập: Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc đơn vị được giao chủ đầu tư thực hiện dự án.

b) Cơ quan thẩm định: Phòng quản lý đô thị cấp huyện.

c) Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện lấy ý kiến thống nhất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc đối với Quy hoạch tổng mặt bằng cải tạo xây dựng lại nhà chung cư, khu chung cư trước khi phê duyệt.

3. Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp.

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

b) Cơ quan thẩm định, phê duyệt: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

4. Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghệ cao.

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

b) Cơ quan thẩm định, phê duyệt: Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

5. Lập, thẩm định, phê duyệt phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến để phục vụ công tác lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

a) Đối với các công trình xây dựng theo tuyến không có yêu cầu phải giải phóng mặt bằng (chỉ cải tạo, nâng cấp trên cơ sở các công trình hiện có) thì không phải thẩm định, trình phê duyệt phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến.

b) Đối với các công trình xây dựng theo tuyến có yêu cầu về giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức lập bản vẽ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến để trình cơ quan chuyên môn về quy hoạch xây dựng thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt; đối với các tuyến công trình đã có chỉ giới đường đỏ, bình đồ (mặt bằng) tuyến hoặc hồ sơ cắm mốc giới được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không phải trình duyệt lại.

c) Trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư: Chủ đầu tư thực hiện dự án.

d) Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: các tuyến đường sắt, các tuyến đường đô thị, cấp hạng đường chính khu vực trở lên; đường tỉnh (đường liên huyện) trở lên; các tuyến điện có cấp điện áp 110KV trở lên; các tuyến ống dẫn dầu, cáp viễn thông, cấp thoát nước, công trình thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có tính chất tương tự; các công trình hạ tầng kỹ thuật theo tuyến đi qua 02 địa bàn quận huyện trở lên.

e) Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác thuộc địa giới hành chính quản lý của địa phương trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

6. Thỏa thuận phương án kiến trúc.

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác định các công trình có quy mô, yêu cầu về kiểm soát kiến trúc trong các khu vực có ý nghĩa quan trọng tại khoản 1 Điều 2 quy định này và các công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Kiến trúc trong quá trình xem xét đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét, thỏa thuận phương án kiến trúc công trình đối với các công trình quy định tại điểm a khoản 6 điều này.

c) Phòng quản lý đô thị cấp huyện xác định các công trình có quy mô, yêu cầu về kiểm soát kiến trúc theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Kiến trúc trong quá

trình xem xét đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Phòng quản lý đô thị cấp huyện thỏa thuận phương án kiến trúc công trình đối với các công trình quy định tại điểm c khoản 6 điều này.

e) Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc xác định các công trình có quy mô, yêu cầu về kiểm soát kiến trúc theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Kiến trúc trong quá trình xem xét đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình và thỏa thuận phương án kiến trúc công trình đối với các công trình nêu trên.

g) Thành phần hồ sơ thỏa thuận phương án kiến trúc công trình bao gồm: Công văn đề nghị thỏa thuận phương án kiến trúc công trình của chủ đầu tư dự án; hồ sơ bản vẽ quy định tại khoản 1 Điều 4 thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ Xây dựng (tỷ lệ sơ đồ vị trí: 1/500 ÷ 1/2000, tỷ lệ bản vẽ phương án kiến trúc: 1/50 ÷ 1/200); Thuyết minh các nội dung theo hồ sơ bản vẽ, danh mục các quy chuẩn và tiêu chuẩn áp dụng, phụ lục các văn bản pháp luật liên quan đến tính pháp lý để lập hồ sơ phương án.

Điều 12. Rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy chế quản lý kiến trúc

1. Thời hạn, trách nhiệm rà soát, thẩm quyền xem xét, quyết định kết quả rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy chế quản lý kiến trúc:

a) Thời hạn rà soát định kỳ đối với quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy chế quản lý kiến trúc thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 46 Luật Quy hoạch đô thị, khoản 1 điều 15 Luật Xây dựng và khoản 1 điều 15 Luật Kiến trúc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn do mình quản lý thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, lập hồ sơ báo cáo kết quả rà soát trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn do mình quản lý thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố, lập hồ sơ báo cáo kết quả rà soát gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

d) Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm rà soát quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, gửi Sở Quy hoạch – Kiến trúc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở chuyên ngành của Thành phố có trách nhiệm rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, lập hồ sơ báo cáo kết quả rà soát báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

g) Cơ quan tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc có trách nhiệm rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt xem xét quyết định việc điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc.

2. Việc rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy chế quản lý kiến trúc đến hạn theo quy định được tiến hành hàng năm; Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp trên địa bàn toàn Thành phố; hồ sơ báo cáo rà soát phải được gửi về phòng quản lý đô thị (đối với thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện), Sở Quy hoạch - Kiến trúc (đối với thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố) trước ngày 30 tháng 6 hàng năm để tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định.

Điều 13. Rà soát danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát danh mục, đánh giá công trình kiến trúc có giá trị đã được phê duyệt trên địa bàn quản lý, lập hồ sơ báo cáo kết quả rà soát gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước ngày 30 tháng 6 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm tổng hợp kết quả rà soát đánh giá các công trình kiến trúc có giá trị đã được phê duyệt trên địa bàn toàn Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

Điều 14. Điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, hồ sơ cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc và danh mục các công trình kiến trúc có giá trị.

1. Điều chỉnh Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến.

a) Việc điều chỉnh nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phải đảm bảo các điều kiện điều chỉnh và thực hiện theo nguyên tắc cấp nào phê duyệt thì cấp đó xem xét, quyết định việc điều chỉnh và chấp thuận chủ trương điều chỉnh. Điều chỉnh quy hoạch đô thị thực hiện theo quy định tại các Điều 47, 48, 49, 50, 51, 52 Luật Quy hoạch đô thị; Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch xây dựng nông thôn thực hiện theo Điều 35, 36, 37, 38 và 39 Luật Xây dựng và quy định có liên quan.

b) Việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch được tiến hành theo quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng tại các Điều 7, 8, 10 của Quy định này.

c) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị;

d) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Xây dựng.

e) Việc điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến phải đảm bảo các điều kiện điều chỉnh như đối với quy hoạch chi tiết đô thị, khu chức năng; quy trình thực hiện, trách nhiệm lập, thẩm định và thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11.

2. Điều chỉnh nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới.

Việc điều chỉnh nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới được thực hiện sau khi đồ án

điều chỉnh quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, rà soát, làm rõ các yêu cầu và nội dung cần điều chỉnh, bổ sung trong nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới. Việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới thực hiện theo Điều 7, 8, 10 của Quy định này.

3. Điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

Việc điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị phải căn cứ trên kết quả rà soát, đánh giá hàng năm và được tiến hành theo quy định về lập, thẩm định, phê duyệt danh mục công trình kiến trúc có giá trị tại Điều 7, 9, 10 của Quy định này.

4. Điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc.

a) Việc điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc phải căn cứ trên kết quả rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc đột xuất và thực hiện theo nguyên tắc cấp nào phê duyệt thì cấp đó xem xét, quyết định việc điều chỉnh.

b) Sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận, việc điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc được tiến hành theo quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc tại Điều 7, 9, 10 của Quy định này.

Chương III

LẤY Ý KIẾN VỀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, QUY HOẠCH XÂY DỰNG, QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC, DANH MỤC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CÓ GIÁ TRỊ

Điều 15. Hội đồng thẩm định quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, Hội đồng thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị, Hội đồng kiến trúc thành phố Hà Nội.

1. Hội đồng thẩm định quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội (gọi tắt là Hội đồng thẩm định quy hoạch), Hội đồng thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị, Hội đồng kiến trúc thành phố Hà Nội do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập; Sở Quy hoạch - Kiến trúc là cơ quan thường trực của các hội đồng.

2. Hội đồng thẩm định quy hoạch do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập; Phòng Quản lý đô thị là cơ quan thường trực.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị, Hội đồng kiến trúc thành phố Hà Nội gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan theo quyết định của cơ quan thành lập.

4. Chức năng, nhiệm vụ của các Hội đồng được xác định trong Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của Hội đồng.

Điều 16. Quy định về tổ chức lấy ý kiến về nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, hồ sơ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, quy chế quản lý kiến trúc, danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập (nhiệm vụ, quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; quy

hoạch tổng mặt bằng, hồ sơ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến; quy chế quản lý kiến trúc) chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, đơn vị tư vấn tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp tổ chức việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, phối hợp với đại diện cộng đồng dân cư để tổng hợp ý kiến theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

2. Đại diện cộng đồng dân cư là người đại diện hợp pháp của cộng đồng dân cư để tập hợp các ý kiến của người dân trong khu vực và làm việc với cơ quan chức năng tổ chức việc xin ý kiến gồm: tổ trưởng, tổ phó dân phố; trưởng, phó thôn, làng…; trưởng các tổ chức đoàn thể: mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, đoàn thanh niên... các cấp có liên quan trong khu vực được lấy ý kiến.

3. Các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan bằng văn bản hoặc góp ý kiến trực tiếp phải được cơ quan, đơn vị tổ chức lập (nhiệm vụ, quy hoạch, thiết kế đô thị riêng; quy hoạch tổng mặt bằng, hồ sơ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến; quy chế quản lý kiến trúc) tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu và báo cáo cấp thẩm quyền xem xét trước khi quyết định phê duyệt theo thẩm quyền.

4. Việc lấy ý kiến đối với danh mục công trình kiến trúc có giá trị thực hiện theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020.

5. Nội dung lấy ý kiến là toàn bộ nội dung nghiên cứu được thể hiện thông qua thuyết minh và hồ sơ bản vẽ kèm theo.

6. Việc lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, hoặc góp ý kiến trực tiếp bằng phiếu tham gia ý kiến theo đề nghị của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

7. Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án các loại quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

8. Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, hồ sơ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn, được thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng bày công khai kết hợp giới thiệu trên phương tiện thông tin đại chúng.

9. Thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan thực hiện theo quy định tại Khoản 4 điều 21 của Luật Quy hoạch đô thị và Khoản 4 điều 17 Luật Xây dựng, thời gian lấy ý kiến đối với quy hoạch tổng mặt bằng, hồ sơ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến thực hiện như đối với quy hoạch chi tiết đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng.

10. Hình thức và thời gian lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về quy chế quản lý

kiến trúc thực hiện theo quy định tại Điểm đ khoản 2 điều 5 Nghị định số 85/2020/NĐCP.

Chương IV
QUẢN LÝ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC

Điều 17. Công bố đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến và quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt.

1. Việc tổ chức công bố đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến theo quy định tại các Điều 40, 41 và 42 Luật Xây dựng; các Điều 53, 54 Luật Quy hoạch đô thị; công bố quy chế quản lý kiến trúc theo quy định tại Điều 10 Nghị định 85/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến có trách nhiệm tổ chức công bố công khai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Trách nhiệm đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm đăng tải công khai đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, quy chế quản lý kiến trúc trên Cổng thông tin điện tử do mình quản lý.

b) Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm đăng tải công khai trên Cổng thông tin Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị Việt Nam, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố Hà Nội các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phân khu, quy hoạch vùng huyện; Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, quy chế quản lý kiến trúc thuộc thẩm quyền phê duyệt của của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của mình các đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng theo nhiệm vụ được giao quản lý.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của mình các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, quy chế quản lý kiến trúc có liên quan đến địa bàn quản lý.

Điều 18. Bàn giao và lưu trữ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, hồ sơ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc và danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

1. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy

hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, hồ sơ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, hồ sơ cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc và danh mục công trình kiến trúc có giá trị có trách nhiệm bàn giao hồ sơ (bao gồm cả bản mềm theo định dạng pdf và định dạng các phần mềm được sử dụng để lập hồ sơ) cho các cơ quan lưu trữ hồ sơ theo quy định tại điều 9 Luật Quy hoạch đô thị, điều 21 Luật Xây dựng, điều 18 Luật Kiến trúc.

2. Cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, hồ sơ phương án tuyến, vị trí công trình xây dựng theo tuyến, hồ sơ cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc, danh mục công trình kiến trúc có giá trị có trách nhiệm thực hiện lưu trữ hồ sơ được phê duyệt theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

Điều 19. Cung cấp thông tin quy hoạch

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc; Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và cung cấp các thông tin quy hoạch theo đồ án quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 55 Luật Quy hoạch đô thị, Điều 43 Luật Xây dựng và theo quy định về thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố (trừ trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước).

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch tại các khu đất theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức.

3. Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch tại các khu đất theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

4. Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch tại các khu đất theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức trong các khu chức năng theo nhiệm vụ được giao quản lý.

Điều 20. Cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch

1. Đối với các tuyến đường giao thông nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, công tác cắm mốc giới được thực hiện đồng thời với việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trong quá trình thực hiện dự án đầu tư. Trong trường hợp dự án đầu tư chưa thực hiện đầu tư hoàn chỉnh quy mô mặt cắt ngang theo quy hoạch, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ và tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng được thực hiện theo quy định tại điều 7, 8, 10 của Quy định này và các quy định tại Thông tư 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng.

3. Tỷ lệ bản đồ lập hồ sơ cắm mốc giới quy định như sau:

a) Đối với khu vực phát triển đô thị: hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường theo các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được lập trên bản đồ tỷ lệ 1/500;

b) Đối với khu vực nông thôn, khu chức năng: hồ sơ cắm mốc giới các tuyến đường theo các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được lập trên bản đồ tỷ lệ 1/2000 hoặc 1/500. Tùy theo yêu cầu quản lý và địa hình khu vực lập hồ sơ cắm mốc giới, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ cắm mốc giới sẽ quy định cụ thể về tỷ lệ bản đồ lập hồ cắm mốc giới.

4. Thực hiện cắm mốc giới ngoài thực địa.

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Sở Tài Nguyên môi trường tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa theo hồ sơ cắm mốc giới thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

b) Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai cắm mốc giới theo hồ sơ cắm mốc giới được duyệt trong khu chức năng theo nhiệm vụ được giao quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa theo hồ sơ cắm mốc giới thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

d) Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai cắm mốc giới theo hồ sơ cắm mốc giới được duyệt.

5. Trách nhiệm nghiệm thu và bàn giao và bảo vệ mốc giới ngoài thực địa.

a) Cơ quan, đơn vị thực hiện cắm mốc giới có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu kết quả cắm mốc giới, bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức bảo vệ mốc giới ngoài thực địa.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp, tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới và xử lý theo quy định đối với các trường hợp vi phạm.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về mốc giới và hồ sơ cắm mốc giới thuộc địa giới hành chính quản lý theo yêu cầu.

7. Việc cắm mốc ranh giới khu vực cấm xây dựng (khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa và các khu vực cần bảo vệ khác) được lập, thẩm định và phê duyệt theo các quy định chuyên ngành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Phân công trách nhiệm

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

a) Đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý về quy hoạch và kiến trúc trên địa bàn Thành phố; quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, kiến trúc và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố.

b) Hướng dẫn, phổ biến về chuyên môn, nghiệp vụ cho Phòng Quản lý đô thị

thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc và các đơn vị, cá nhân các nội dung có liên quan đến quy định này.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kiến trúc và ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác sử dụng chung.

d) Ban Quản lý đồ án Quy hoạch kiến trúc đại diện cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, cắm mốc giới, quy chế quản lý kiến trúc và danh mục công trình kiến trúc có giá trị, thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân Thành phố giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý quy hoạch và kiến trúc theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, ngành có liên quan trong việc rà soát cán bộ chuyên môn lĩnh vực quy hoạch kiến trúc; có kế hoạch kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế Phòng Quản lý đô thị cấp huyện theo quy định về khung năng lực vị trí việc làm các cơ quan hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo trách nhiệm và thẩm quyền; Trường hợp phòng Quản lý đô thị không đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

c) Tổ chức triển khai lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị tại các khu vực hiện hữu trong đô thị, trong giai đoạn trước mắt đối với khu vực chưa có quy hoạch chi tiết đô thị, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc được duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các tuyến đường cấp nội bộ phục vụ công tác quản lý quy hoạch, xây dựng đô thị. Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

d) Hướng dẫn và phổ biến cho Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, cá nhân có liên quan về chuyên môn, nghiệp vụ các nội dung có liên quan đến quy định này;

e) Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kiến trúc và ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác sử dụng chung.

g) Tổ chức việc kiểm tra, giám sát việc triển khai đầu tư xây dựng trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, xem xét xử lý theo thẩm quyền và báo cáo cấp thẩm quyền các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực quy hoạch;

h) Phối hợp với Thanh tra Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các Sở, ngành có liên quan lập kế hoạch, triển khai thực hiện việc thanh tra, kiểm tra khi có yêu cầu.

3. Các Sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, thỏa thuận các nội dung có liên quan theo chuyên ngành quản lý phục vụ việc quản lý quy hoạch và kiến trúc theo quy định của pháp luật; Tham gia Hội đồng thẩm định theo quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân Thành phố; Có trách nhiệm phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền theo quy định hiện hành của pháp luật và Thành phố; Hướng dẫn các sở,

ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo quy định;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đối với nguồn vốn đầu tư công và công tác lựa chọn nhà thầu theo quy định.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí, phân bổ dự toán đối với nguồn vốn chi thường xuyên cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và kiến trúc theo quy định.

d) Công an Thành phố Hà Nội hướng dẫn, cung cấp thông tin, giải quyết các thủ tục thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với đồ án quy hoạch và phương án kiến trúc theo quy định.

e) Ban Quản lý khu công nghiệp và khu chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan trong việc rà soát cán bộ chuyên môn lĩnh vực quy hoạch kiến trúc; có kế hoạch tổ chức, kiện toàn cán bộ công chức, viên chức và trang thiết bị chuyên môn theo quy định của pháp luật, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền;

g) Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội: tham gia xây dựng danh mục lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị riêng, cắm mốc giới; tham gia, phối hợp thực hiện một số công tác quản lý nhà nước về quy hoạch được Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý quy hoạch các cấp; tư vấn lập bản đồ hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật, chỉ giới đường đỏ, giới thiệu số liệu hạ tầng kỹ thuật cho các tổ chức khi có yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ.

h) Các cơ quan truyền thông của Thành phố có trách nhiệm đăng tải các thông tin quy hoạch, kiến trúc đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định về công bố, công khai.

4. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết và phương án kiến trúc công trình khu vực được giao đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện dự án, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính, đất đai, chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra theo quy định hiện hành. Thực hiện quản lý tài chính, thanh quyết toán chi phí theo quy định.

Điều 22. Chế độ báo cáo, thanh tra, kiểm tra

1. Việc thanh tra, kiểm tra, thực hiện các đồ án theo quy hoạch, kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt được thực hiện thường xuyên, liên tục theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị do pháp luật quy định và theo phân cấp quản lý của Thành phố.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội, Ban quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc) có trách nhiệm tổng hợp các nội dung công việc, danh mục liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch; quy chế quản lý kiến trúc, danh mục các công trình có giá trị và các nội dung có liên quan; đề xuất giải pháp, giải quyết những vướng mắc, khó khăn gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước ngày 20 tháng 6 và trước ngày 20 tháng 12 để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Thanh tra Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thanh, kiểm tra theo kế hoạch và nhiệm vụ của Thành phố giao đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, kiến trúc và thực hiện quy định phân cấp, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp vị phạm.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành

1. Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc thực hiện toàn bộ hoặc một phần nhiệm vụ, thẩm quyền theo phân cấp hoặc ủy quyền sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban.

2. Đối với các hồ sơ, đồ án đã hoàn thành công tác thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định trước đây và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, hướng dẫn của Sở Quy hoạch – Kiến trúc xem xét với trường hợp cụ thể.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác nội dung quy định này, thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.